

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chủ tịch Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thu Nga	Chủ tịch

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ
Bà Lại Trần Hoài Khanh	Trưởng ban

Ban Giám đốc

Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thu Nga	Giám đốc
Ông Nguyễn Thất Linh	Phó Giám đốc
Ông Tôn Thất Hoàng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2024)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Lê Thị Thu Nga, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Thị Thu Nga
Giám đốc

Nha Trang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Số: 116/2025/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/03/2025 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Văn Long

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3303-2024-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Hoàng Phương Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 6337-2023-240-1

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		343.149.150.461	343.544.494.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		74.021.541.362	110.768.076.101
1. Tiền	111	4.1	74.021.541.362	110.768.076.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.618.748.981	101.795.978.238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	74.676.418.109	99.342.706.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	71.718.912.519	1.703.204.625
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	307.327.833	803.202.655
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(83.909.480)	(53.135.739)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	118.493.882.505	127.227.759.849
1. Hàng tồn kho	141		120.299.825.260	130.396.144.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.805.942.755)	(3.168.384.196)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.014.977.613	3.752.679.861
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	1.893.956.728	2.167.097.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.540.238.418	1.199.839.977
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	580.782.467	385.742.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.530.622.816	111.833.293.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		239.152.000	330.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	239.152.000	330.400.000
II. Tài sản cố định	220		106.237.361.125	109.604.971.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	42.308.055.523	44.737.169.048
Nguyên giá	222		114.142.937.170	115.800.287.870
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.834.881.647)	(71.063.118.822)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	63.929.305.602	64.867.802.367
Nguyên giá	228		66.645.968.855	66.595.968.855
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.716.663.253)	(1.728.166.488)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.054.109.691	1.897.922.428
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.054.109.691	1.897.922.428
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		450.679.773.277	455.377.787.892

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		224.177.785.855	228.875.800.470
I. Nợ ngắn hạn	310		224.177.785.855	228.875.800.470
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	7.221.153.252	42.100.218.365
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	5.459.072.110	3.005.918.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	14.864.069.088	13.147.539.805
4. Phải trả người lao động	314	4.13	28.784.186.295	23.240.388.074
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	989.406.062	887.030.872
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	46.287.442.262	985.320.075
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.572.456.786	145.509.384.694
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.501.987.422	226.501.987.422
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	226.501.987.422	226.501.987.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		226.501.987.422	226.501.987.422
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		450.679.773.277	455.377.787.892

**Lê Thị Thu Nga**
Giám đốc

Nha Trang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Xuân Hằng
Kế toán trưởng**Phạm Nguyên Phương Nam**
Người lập

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	7.529.386.775.141	7.184.282.284.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.468.346.441	2.743.922.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.527.918.428.700	7.181.538.361.863
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	7.143.044.138.054	6.804.559.324.752
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		384.874.290.646	376.979.037.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	6.695.102.866	3.325.171.328
7. Chi phí tài chính	22	5.5	3.233.267.919	2.497.773.752
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	192.896.267.843	186.854.852.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	23.719.070.408	24.874.500.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		171.720.787.342	166.077.081.752
11. Thu nhập khác	31	5.8	1.521.942.283	985.112.197
12. Chi phí khác	32	5.9	698.980.523	817.370.982
13. Lợi nhuận khác	40		822.961.760	167.741.215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		172.543.749.102	166.244.822.967
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	34.853.972.938	33.477.406.201
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137.689.776.164	132.767.416.766

**Lê Thị Thu Nga**
Giám đốc

Nha Trang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Xuân Hằng
Kế toán trưởng**Phạm Nguyên Phương Nam**
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	172.543.749.102	166.244.822.967
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.873.948.296	3.526.914.006
Các khoản dự phòng	03	(1.331.667.700)	(446.341.141)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.078.599.264)	(1.006.209.819)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(714.501.914)	(426.040.628)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	174.292.928.520	167.893.145.385
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(45.085.933.660)	(23.486.761.284)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.096.318.785	39.290.432.280
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(29.485.416.629)	27.820.858.238
Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.116.953.647	1.929.191.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.979.541.873)	(35.742.748.796)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(38.796.712.908)	(5.864.171.056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.158.595.882	171.839.945.892
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.506.338.006)	(9.512.520.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn của đơn vị khác	22	603.724.819	330.114.478
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	110.777.095	132.807.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(791.836.092)	(9.049.598.748)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	(78.980.092.307)	(152.639.296.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(78.980.092.307)	(152.639.296.695)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50	(37.613.332.517)	10.151.050.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	110.768.076.101	99.675.215.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	866.797.778	941.809.939
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	74.021.541.362	110.768.076.101



Lê Thị Thu Nga
Giám đốc

Nha Trang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Xuân Hằng
Kế toán trưởng

Phạm Nguyên Phương Nam
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 77A/QĐ-UB ngày 21/05/2002 của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4200485207 đăng ký lần đầu ngày 14/06/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/08/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 631 người (31 tháng 12 năm 2023 là 696 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Chi tiết: bán buôn sản phẩm thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: mua bán thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt đà điểu, cá sấu). Mua bán thực phẩm khác (trứng đà điểu));
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: mua bán va li, ví, túi xách, các mặt hàng mỹ nghệ từ da đà điểu, cá sấu);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ thuốc lá, đà điểu sản xuất trong nước);
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ vải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ hàng may mặc sẵn, giày dép, vai li, ví, túi xách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: mua bán các mặt hàng mỹ nghệ từ đà điểu, cá sấu);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: bán buôn vải, hàng may mặc sẵn. Mua bán giày, dép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ (Xe ô tô từ 12 ghế trở lên);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 649-651-653 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 24 – 25 - 26 Khu nhà vườn, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thủ đô Hà Nội
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô B6, đường 11B, Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, X. Hòa Liên, H. Hòa Vang TP. Đà Nẵng
Chi nhánh tại Đồng Nai	Số 123B Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 259A Hai Bà Trưng, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 1 Mậu Thân, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2024</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất chi tiết tại Thuyết minh số 4.9.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (3 năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê nhà, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ trên 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho Công ty mẹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng thành viên thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm và chênh lệch tỷ giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất: 10%.

Công ty được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% đối với các hoạt động bán buôn hàng may mặc từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024 theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thương mại, dịch vụ và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		269.202.366		397.018.871
Tiền gửi ngân hàng		73.752.338.996		110.371.057.230
+ VND		21.590.453.742		51.597.812.243
+ USD	2.064.367,51	52.136.121.725	2.439.663,12	58.747.289.523
+ EUR	984,28	25.763.529	984,28	25.955.464
Cộng		74.021.541.362		110.768.076.101

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		VND		VND
Chi nhánh Công ty TNHH Phước Thọ		3.858.365.753		4.488.406.203
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Khang Thịnh		13.876.949.500		13.556.652.530
JSC Gloria Jeans Corporation		-		4.429.351.293
Josef Witt GmbH		10.299.613.124		13.159.902.045
Các đối tượng khác		46.641.489.732		63.708.394.626
Cộng		74.676.418.109		99.342.706.697

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng công ty Khánh Việt	67.059.195.129	-
Qingdao Frank Fashion Co., Ltd	-	609.308.809
Shaoxing Ketao Textile Co., Ltd	492.537.419	237.679.886
Công ty CP Kết Nối Thời Trang	-	208.096.000
Các đối tượng khác	4.167.179.971	648.119.930
Cộng	71.718.912.519	1.703.204.625
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	67.059.195.129	-

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký quỹ, ký cược	168.000.000	-	265.352.000	-
Tạm ứng	117.411.605	-	170.493.935	-
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	-	-	366.356.720	-
Phải thu khác	21.916.228	-	1.000.000	-
Cộng	307.327.833	-	803.202.655	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	239.152.000	-	330.400.000	-
Cộng	239.152.000	-	330.400.000	-
Trong đó: phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	-	-	366.356.720	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	118.146.429	34.236.949	110.889.090	57.753.351
Cộng	118.146.429	34.236.949	110.889.090	57.753.351

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Khánh Hiếu	40.000.000	20.000.000	Từ 1 năm đến 2 năm	61.216.560	42.851.592	Từ 6 tháng đến 1 năm
Phạm Thị Ngà	49.672.530		Trên 3 năm	49.672.530	14.901.759	Từ 2 đến 3 năm
Hộ kinh doanh Vinh Duyên	28.473.899	14.236.949	Từ 1 năm đến 2 năm			
Cộng	118.146.429	34.236.949		110.889.090	57.753.351	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.118.689.361	-	27.981.849.778	-
Công cụ, dụng cụ	123.256.148	-	120.013.240	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.310.330	-	300.611.254	-
Thành phẩm	30.833.609.912	1.526.260.678	48.982.057.413	2.744.206.691
Hàng hóa	64.068.959.509	279.682.077	53.011.612.360	424.177.505
Cộng	120.299.825.260	1.805.942.755	130.396.144.045	3.168.384.196

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển tại thời điểm cuối năm là 3.470.058.168 VND, Công ty đánh giá khả năng thu hồi của các mặt hàng này là 1.664.115.413 VND và lập dự phòng giảm giá số tiền: 1.805.942.755 VND.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê nhà trả trước	1.218.281.447	1.321.397.761
Chi phí sửa chữa xe	122.339.706	333.375.771
Chi phí mua bảo hiểm	167.213.318	188.670.001
Công cụ, vật rẻ	253.640.340	229.626.027
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	132.481.917	94.028.078
Cộng	1.893.956.728 ✓	2.167.097.638
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa khác	439.349.361	706.885.675
Chi phí quảng cáo, thương hiệu	91.854.776	12.888.669
Công cụ, vật liệu	195.583.135	618.079.065
Chi phí trả trước dài hạn khác	327.322.419	560.069.019
Cộng	1.054.109.691 ✓	1.897.922.428

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	48.955.125.555	7.959.789.816	53.840.576.493	5.044.796.006	115.800.287.870
Mua trong năm	-	175.612.360	857.934.905	-	1.033.547.265
Đầu tư XD/CB hoàn thành	422.790.741	-	-	-	422.790.741
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.113.688.706)	-	(3.113.688.706)
Tại ngày 31/12/2024	49.377.916.296	8.135.402.176	51.584.822.692	5.044.796.006	114.142.937.170
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	19.296.372.580	4.719.767.076	42.260.611.374	4.786.367.792	71.063.118.822
Khấu hao trong năm	1.491.803.470	496.535.443	1.752.044.327	145.068.291	3.885.451.531
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.113.688.706)	-	(3.113.688.706)
Tại ngày 31/12/2024	20.788.176.050	5.216.302.519	40.898.966.995	4.931.436.083	71.834.881.647
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	29.658.752.975	3.240.022.740	11.579.965.119	258.428.214	44.737.169.048
Tại ngày 31/12/2024	28.589.740.246	2.919.099.657	10.685.855.697	113.359.923	42.308.055.523

Không có tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 39.664.944.317 VND.

Trong năm 2024, Công ty thay đổi khung thời gian khấu hao của một số TSCĐ theo thông báo số 468/CTTM ngày 24/10/2024 gửi cục thuế tỉnh Khánh Hòa. Việc thay đổi khung thời gian khấu hao làm tăng chi phí khấu hao trong năm 2024, số tiền: 82.798.776 VND nếu áp dụng theo khung khấu hao năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	62.966.755.340	3.629.213.515	66.595.968.855
Mua trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 31/12/2024	62.966.755.340	3.679.213.515	66.645.968.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	1.728.166.488	1.728.166.488
Khấu hao trong năm	-	988.496.765	988.496.765
Tại ngày 31/12/2024	-	2.716.663.253	2.716.663.253
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	62.966.755.340	1.901.047.027	64.867.802.367
Tại ngày 31/12/2024	62.966.755.340	962.550.262	63.929.305.602

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 787.000.000 VND.

Không có tài sản cố định vô hình đang dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Trong năm 2024, Công ty thay đổi khung thời gian khấu hao của của một số TSCĐ theo thông báo số 468/CTTM ngày 24/10/2024 gửi cục thuế tỉnh Khánh Hoà. Việc thay đổi khung thời gian khấu hao làm tăng chi phí khấu hao trong năm 2024, số tiền: 627.905.209 VND nếu áp dụng theo khung khấu hao năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết Quyền sử dụng đất Công ty đang theo dõi tại ngày 31/12/2024:

STT	Địa điểm	Nguyên giá	Diện tích (m²)	Thời hạn sử dụng
1.	Quyền sử dụng đất tại số 3A Mậu Thân, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	1.000.000.000	638,5	Lâu dài
2.	Quyền sử dụng đất tại số 12-14-16 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	3.780.940.000	295,7	Lâu dài
3.	Quyền sử dụng đất tại số 19 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	8.521.976.400	301,4	Lâu dài
4.	Quyền sử dụng đất tại Lô số B6 Khu Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, Xã Hoà Liên, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	7.670.899.400	5.050,0	Lâu dài
5.	Quyền sử dụng đất tại số 123B Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	5.098.065.000	368,5	Lâu dài
6.	Quyền sử dụng đất tại số 15 Lê Hồng Phong, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	4.137.078.000	140,0	Lâu dài
7.	Quyền sử dụng đất tại số 24, 25, 26 Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	32.007.796.540	336,6	Lâu dài
8.	Quyền sử dụng đất tại số 01 Mậu Thân, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	750.000.000	250,0	Lâu dài
Cộng		62.966.755.340	7.380,7	

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH Một thành viên Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Tổng hợp Minh Tuấn	903.528.000 ✓	903.528.000	589.464.000	589.464.000
Qingdao Frank Fashion Co., Ltd	1.920.262.767 ✓	1.920.262.767	1.720.742.025	1.720.742.025
Các đối tượng khác	4.397.362.485	4.397.362.485	9.321.848.199	9.321.848.199
Cộng	7.221.153.252	7.221.153.252	42.100.218.365	42.100.218.365
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	23.053.433	23.053.433	30.482.573.878	30.482.573.878

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Phúc Vạn Lợi	1.500.000.050	1.115.889.500
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Thu Ban Mê	819.681.900	-
Công ty TNHH Tổng Hợp Thương Mại Thanh Tâm	-	505.508.800
Công ty Cổ phần Thương Mại Miền Núi Phú Yên	-	329.026.505
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Thảo	59.293.197	500.993.750
Công ty TNHH Đóng tàu HD Hyundai Việt Nam	641.598.000	-
Công ty TNHH Phước Trần Thành	776.952.326	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Lâm	678.761.498	-
Các đối tượng khác	982.785.139	554.500.030
Cộng	5.459.072.110	3.005.918.585

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	25.237.509.797 ✓	28.359.173.730 ✓	-	3.121.663.933
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	138.378.690	-	3.862.485.979 ✓	4.000.864.669 ✓	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	14.401.395	-	2.121.479.528 ✓	2.135.880.923 ✓	-	-
Thuế TNDN	-	14.851.837.266 ✓	34.853.972.938 ✓	29.979.541.873 ✓	-	9.977.406.201
Thuế TNCN	428.002.382	4.611.722	2.360.444.081	2.444.307.036	385.742.246	46.214.541
Các loại thuế khác	-	7.620.100	158.320.649 ✓	152.955.679 ✓	-	2.255.130
Cộng	580.782.467	14.864.069.088	68.594.212.972	67.072.723.910	385.742.246	13.147.539.805

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả tiền lương	28.760.600.295 ✓	23.215.652.074 ✓
Phải trả tiền ăn ca	23.586.000 ✓	24.736.000 ✓
Cộng	28.784.186.295 ✓	23.240.388.074 ✓

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí hoạt động KD Dệt may	856.671.053	525.371.890
Chi phí hoạt động KD Thuốc lá	65.981.611	62.718.181
Chi phí phải trả khác	66.753.398	298.940.801
Cộng	989.406.062	887.030.872

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	44.483.542.137	-
Kinh phí công đoàn	254.053.940	225.229.120
Phải trả khác	1.549.846.185	760.090.955
Cộng	46.287.442.262	985.320.075
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	44.483.542.137	-

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
Chuyển giao tài sản về công ty mẹ (*)	(23.498.012.578)	-	-	(23.498.012.578)
Lãi trong năm trước	-	-	132.767.416.766	132.767.416.766
Tăng khác	-	1.006.209.819	-	1.006.209.819
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.263.742.203)	(13.263.742.203)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	(119.503.674.563)	(119.503.674.563)
Giảm khác	-	(1.006.209.819)	-	(1.006.209.819)
Tại ngày 01/01/2024	226.501.987.422	-	-	226.501.987.422
Lãi trong năm nay	-	-	137.689.776.164	137.689.776.164
Tăng khác	-	1.078.599.264	-	1.078.599.264
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(13.859.785.000)	(13.859.785.000)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ (**)	-	-	(123.829.991.164)	(123.829.991.164)
Giảm khác	-	(1.078.599.264)	-	(1.078.599.264)
Tại ngày 31/12/2024	226.501.987.422	-	-	226.501.987.422

(*) Bàn giao nhà và đất tại 420 TKTQ, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP HCM cho UBND tỉnh Khánh Hoà theo QĐ số 3565/QĐ-UBND ngày 24/08/2023.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 số 19B/PA-CTTM ngày 17/01/2025.

4.16.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	226.501.987.422	226.501.987.422
Cộng	226.501.987.422	226.501.987.422

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp đầu năm	226.501.987.422	250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	23.498.012.578
Vốn góp cuối năm	226.501.987.422	226.501.987.422

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:		
+ Hàng da mỹ nghệ (VND)	273.666.668	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	522.798.777	522.798.777
Ngoại tệ các loại		
+ USD	2.064.367,51	2.439.663,12
+ EUR	984,28	984,28

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.515.288.779.141 ✓	7.167.413.700.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.097.996.000 ✓	16.868.584.434
Cộng	7.529.386.775.141	7.184.282.284.860
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 6	16.970.880.940 ✓	22.181.764.294 ✓

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	42.141.682 ✓	44.988.625
Hàng bán bị trả lại	1.426.204.759 ✓	2.698.934.372
Cộng	1.468.346.441 ✓	2.743.922.997

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	7.144.406.579.495 ✓	6.805.033.965.367
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.362.441.441) ✓	(474.640.615)
Cộng	7.143.044.138.054 ✓	6.804.559.324.752

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	110.777.095 ✓	132.807.047 ✓
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5.255.430.296 ✓	2.186.154.462
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.078.599.264 ✓	1.006.209.819
Doanh thu hoạt động tài chính khác	250.296.211 ✓	-
Cộng	6.695.102.866	3.325.171.328

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	2.330.852.032 ✓	1.896.363.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	902.415.887 ✓	601.410.156
Cộng	3.233.267.919 ✓	2.497.773.752

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	113.155.198.184 ✓	111.600.447.343
Chi phí bán hàng khác	79.741.069.659 ✓	75.254.405.165
Cộng	192.896.267.843 ✓	186.854.852.508

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	10.952.780.673 ✓	7.603.039.360 ✓
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	30.773.741 ✓	28.299.474 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.757.116.713 ✓	2.415.557.020 ✓
Chi phí thuê mặt bằng	258.120.305 ✓	1.316.323.985 ✓
Chi phí bằng tiền khác	9.720.278.976	13.511.280.588
Cộng	23.719.070.408	24.874.500.427

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	603.724.819 ✓	293.233.581
Xử lý thừa kiểm kê	345.484 ✓	880.926
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng, hỗ trợ	431.889.177 ✓	414.168.617
Các khoản thu nhập khác	485.982.803 ✓	276.829.073
Cộng	1.521.942.283 ✓	985.112.197

5.9. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí truy thu, phạt chậm nộp	14.080.906	39.978.634
Bồi thường do hàng lỗi	531.836.395 ✓	558.406.615
Xử lý thiếu kiểm kê	481.736 ✓	1.660.249
Chi phí khác	152.581.486 ✓	217.325.484
Cộng	698.980.523 ✓	817.370.982

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.187.722.133	132.725.701.175
Chi phí nhân công	127.874.162.165 ✓	122.684.383.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.873.948.296 ✓	3.526.750.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.788.019.840 ✓	97.605.229.081
Chi phí khác bằng tiền	32.975.814.092 ✓	30.093.348.391
Cộng	366.699.666.526 ✓	386.635.412.659

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	172.543.749.102 ✓	166.244.822.967 ✓
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.794.036.491 ✓	2.171.931.483 ✓
- Chi phí không hợp lệ	1.750.232.142 ✓	1.672.630.351
- Chi phí phạt thuế, phạt hành chính khác	14.080.906 ✓	39.978.634
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm trước	1.029.723.443 ✓	459.322.498
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	1.078.599.264	1.029.723.443
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm nay	1.078.599.264	1.029.723.443
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	174.259.186.329 ✓	167.387.031.007
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	34.853.972.938 ✓	33.477.406.201
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	34.851.837.266 ✓	33.477.406.201
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm	2.135.672 ✓	-

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV
 Công ty TNHH MTV ĐT & KD Bất động sản
 Khatoco
 Công ty CP Du lịch Long Phú
 Công ty CP Bao bì Tân Khánh An
 Công ty CP In Bao bì Khatoco
 Công ty CP Đông Á

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Khánh Việt
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Khánh Việt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán:		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	67.059.195.129 ✓	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	67.059.195.129	-

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	-	366.356.720 ✓
Cộng - Xem thêm mục 4.4	-	366.356.720

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả người bán:		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	-	30.468.164.141
Công ty CP Đông Á	5.378.400	-
Công ty CP Bao bì Tân Khánh An	17.675.033	14.409.737
Cộng - Xem thêm mục 4.10	23.053.433 ✓	30.482.573.878 ✓

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả khác:		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	44.483.542.137	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	44.483.542.137 ✓	-

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	1.977.967.274 ✓	5.134.471.758
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1	13.949.436.445	15.958.160.434
Mua hàng hoá, dịch vụ	3.992.724.245.678 ✓	6.596.711.290.667
Lợi tức	123.829.991.164 ✓	119.503.674.563
Công ty TNHH MTV ĐT&KD Bất động sản Khatoco		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	14.089.814 ✓	7.795.455
Công ty CP In Bao bì Khatoco		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	494.076.296 ✓	584.481.191
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	2.275.125.000
Công ty CP Bao bì Tân Khánh An		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	87.705.555 ✓	98.940.000
Thuê kho	962.639.415 ✓	696.463.703

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty CP Đông Á		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	447.605.556	368.715.456
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1	-	29.200.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	-
Công ty Cổ Phần Du Lịch Long Phú		
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	881.810.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao Chủ tịch Công ty	16.200.000	16.200.000
Cộng	16.200.000	16.200.000
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng	24.000.000	24.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.502.437.791	623.139.897
Cộng	1.502.437.791	623.139.897

7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng, mặt bằng cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 03 đến 05 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.572.834.053	6.597.604.808
Cộng	5.572.834.053	6.597.604.808

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Thị Thu Nga
Giám đốc

Nha Trang, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Xuân Hằng
Kế toán trưởng

Phạm Nguyên Phương Nam
Người lập